

Bản án số: 372/2023/HS-PT

Ngày: 06-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán: 1. Bà Đoàn Thị Hương Giang

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 346/2023/HSPT ngày 06 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo Yiu A M M và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Yiu A M M, Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Vương Diệu N, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Q, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc Đ, Tiên Thị D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 198/2023/HS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Yiu A M (B, T); Sinh năm: 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp D, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; Chỗ ở: G Đường Số A, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Yiu Trích P và bà Mộc Lì M; Hoàn cảnh gia đình: có chồng tên Lưu Thế P và 4 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 14/01/2011, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Đánh bạc”; chấp hành xong thử thách ngày 14/01/2013; đóng án phí tháng 06/2012.

Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Lê Thanh T (L); Sinh năm: 1986 tại tỉnh B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B; Chỗ ở: ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông Lê Văn T và bà Lê Thị L; Hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Lê Thị Minh H và 03 con; lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/04/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; được đặc xá ngày 29/8/2006.

Ngày 04/11/2008, bị Công an phường P, quận T xử phạt vi phạm hành chính 1.700.000 đồng về hành vi “Không xuất trình giấy đăng ký xe, không có giấy phép lái xe và sử dụng vũ khí thô sơ trái quy định”. Đóng phạt ngày 13/11/2008.

Ngày 24/01/2011, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/2013. Đóng án phí tháng 8/2011.

Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020, tạm giam ngày 07/02/2020; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 27/3/2020, bị cáo bị truy nã và ra đầu thú ngày 15/5/2023.

Tạm giam từ ngày 15/5/2023 (Có mặt).

3. Nguyễn Thị Ngọc B; Sinh năm: 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số B Cư xá Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị K; Hoàn cảnh gia đình: có chồng tên Nguyễn Tiến B và 01 con sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4. Vương Diệu N; Sinh năm: 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số T Đường A, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: D Đường số A, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: tài xế; Con ông Vương B (chết) và bà Trịnh Thị L; Hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Lâm Mỹ L và 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

5. Trương Thị Thanh T1; Sinh năm: 1978 tại L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1 Đường A, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: không; Con ông Trương Công C và bà Lê Thị H (chết); Hoàn cảnh gia đình: có chồng tên Huỳnh Tứ Đ1 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

6. Nguyễn Q; Sinh năm: 1975 tại tỉnh Q; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Q; Chỗ ở: số M Đường số A, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Nguyễn H1 (chết) và bà Võ Thị S; Hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Hồ Thị H2 (đã ly hôn) và 02 con; lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020, tạm giam ngày 07/02/2020, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/3/2020, bị cáo bị bắt lại ngày 09/01/2023;

Tạm giam từ ngày 09/01/2023 (Có mặt).

7. Trần Bích T2; Sinh năm: 1979 tại tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2 Đường số A, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: buôn bán; Con ông Trần M3 và bà Lý Thị Lệ H3; Hoàn cảnh gia đình: có chồng tên Phùng Lâm P3 và 02 con; lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

8. Đinh Thị Kim T3; Sinh năm: 1978 tại tỉnh B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số H Lô T, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: G T, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Đinh Văn U và bà Nguyễn Thị H4; Hoàn cảnh gia đình: có chồng

tên Đỗ Thanh D1 và 03 con; lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo được tại ngoại (Có mặt).

9. Nguyễn Thị L; Sinh năm: 1965 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số B đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 4 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Văn P4 (chết) và bà Nguyễn Thị M4 (chết); Hoàn cảnh gia đình: có chồng tên Trần Anh K1 (đã ly hôn năm 2017) và 02 con; lớn sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo được tại ngoại (Có mặt).

10. Nguyễn Văn T4; Sinh năm: 1985 tại S; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm T, phường V, thị xã V, tỉnh S; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: tài xế; Con ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị X1; Hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Danh Thị Ánh H5; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo được tại ngoại (Có mặt).

11. Nguyễn Ngọc Đ; Sinh năm: 1985 tại L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã V, huyện H, tỉnh L; chỗ ở: C A, khu phố G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Văn T7 và bà Nguyễn Thị T8; Hoàn cảnh gia đình: có chồng tên Trần Văn B2 và có 04 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo được tại ngoại (Có mặt).

12. Tiên Thị D; Sinh năm: 1965 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số B Đường số B, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Tiên Văn M5 (chết) và bà Phạm Thị M6; Hoàn cảnh gia đình: có chồng tên Nguyễn Hữu Đ2 và 02 con; lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 04/3/2010, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng 16 ngày; bị cáo chấp hành xong thử thách án treo ngày 20/7/2010. Bị cáo bị bắt ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo được tại ngoại (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ: Luật sư Lý Đông C1, là Luật sư của Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Lâm Hoàng C2, Trương Thị Diễm C3, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Trọng N1, Võ Thị Bé U, Lý A M7 không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 30/01/2020, Đ3 Công an quận B phối hợp với Công an phường B tiến hành kiểm tra hành chính nhà số G Đường số A, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình kiểm tra phát hiện 19 đối tượng gồm: Yiu A M, Lâm Hoàng C2, Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Tiên Thị D, Vương Diệu N, Trương Thị Diễm C3, Nguyễn Thị H6, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Trọng N1, Nguyễn Q, Võ Thị Bé U, Lý A M7, Trần Thị Thu H7, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Ngọc Đ đang đánh bài cào ba lá ăn tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 43.350.000 đồng (trong đó 21.500.000 đồng là tiền đặt cược từ 07 tụ bài; 15.000.000 đồng là tiền của bị cáo Lâm Hoàng C2 dùng để đánh bạc, 6.850.000 là tiền các con bạc ném bỏ trên chiếu bạc), số tiền thu giữ trên người của các con bạc tiền dùng để đánh bạc là 17.311.000 đồng, số tiền Yiu A M thu lợi bất chính là 3.500.000 đồng. Lực lượng chức năng đưa tất cả các đối tượng cùng vật chứng về Công an phường B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 198/2023/HS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Yiu A M** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh T** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2023 nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc B** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ tạm, giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Vương Diệu N** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Thanh T1** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Q** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2023 nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trần Bích T2** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị Kim T3** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T4** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

12. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Tiên Thị D** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được cản trở vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2023 bị cáo Yùu A M, Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Thị L, Trương Thị Thanh T1, Vương Diệu N, Đinh Thị Kim T3, Tiên Thị D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 29/8/2023 và 30/8/2023 bị cáo Nguyễn Văn T4 và Trần Bích T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 05/9/2023 và 06/9/2023 bị cáo Lê Thanh T và Nguyễn Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Yiu A M , Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Vương Diệu N, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Q, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc Đ, Tiên Thị D trình bày: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo vì số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không lớn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn T4 có xuất trình giấy chứng nhận cha bị cáo là ông Nguyễn Văn X là cựu chiến binh và bà ngoại là bà Nguyễn Thị N2 là người có công với Cách mạng. Bị cáo Vương Diệu N xuất trình Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đang nuôi mẹ già yếu mất sức lao động, vợ đang thất nghiệp và 1 con nhỏ, bị cáo đang làm tài xế theo hợp đồng cho 2 công ty để nuôi sống gia đình. Bị cáo Tiên Thị D xuất trình Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bệnh án của bệnh viện H8 thể hiện bị cáo bị bệnh u xơ tử cung, viêm phế quản, viêm ruột thừa cấp, hiện nay bị cáo đang cho công ty sản xuất nước thuê mặt bằng để sản xuất, kinh doanh. Bị cáo Trần Bích T2 và Đinh Thị Kim T3 xuất trình Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo T2 là lao động chính đang buôn bán tại nhà số C đường số A, phường B, quận B để nuôi các con đi học; bị cáo T3 cùng chồng buôn bán phụ tùng xe máy để nuôi 3 con nhỏ đang độ tuổi đi học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo Yiu A M , Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Vương Diệu N, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Q, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc Đ, Tiên Thị D tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ mới, nên đề nghị căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Đ, tuy nhiên Luật sư cho rằng mức án mà Tòa cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng so với hành vi của bị cáo vì bị cáo mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo học vấn thấp không biết chữ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi cha mẹ già đang ở trọ và 1 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo Đ được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm lo cho gia đình.

Bị cáo Yiu A M , Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Vương Diệu N, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Q, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc Đ, Tiên Thị D không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Yiu A M , Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Vương Diệu N, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Q, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc Đ, Tiên Thị D tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 30/01/2020, tại bên hông nhà số G Đường số A, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Yiu A M tổ chức cho 18 con bạc cá cược thắng thua bằng tiền với hình thức bài cào 3 lá. Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 43.350.000 đồng (trong đó 21.500.000 đồng là tiền đặt cược từ 07 tụ bài; 15.000.000 đồng là tiền của bị cáo Lâm Hoàng C2 dùng để đánh bạc, 6.850.000 là tiền các con bạc ném bỏ trên chiếu bạc), số tiền thu giữ trên người của các con bạc tiền dùng để đánh bạc là 17.311.000 đồng, số tiền Yiu A M thu lợi bất chính là 3.500.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc khi bị bắt quả tang là 64.161.000 đồng.

Bị cáo Yiu A M là người cung cấp bộ bài tây 52 lá, chiếu, ghế nhựa, nước uống cho các con bạc tham gia và thu tiền xâu. Như vậy, Yiu A M đã sử dụng chỗ ở của bị cáo để tổ chức cho 18 người cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền bị bắt quả tang là 64.161.000 đồng. Do đó hành vi của Yiu A M đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Lê Thanh T là người bốc bài tham gia cá cược 4 ván, 3 ván đầu mỗi ván đặt cược 1.000.000 đồng và thắng cược 3.000.000 đồng, đến ván thứ 4 T đặt cược 3.000.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B bốc bài tham gia đặt cược khoảng 10 ván, mỗi ván đặt cược từ 200.000 – 300.000 đồng và thua 700.000 đồng, thời điểm bắt quả tang, B đặt cược 300.000 đồng. B đánh bạc ở đây lần thứ 2 thì bị bắt quả tang.

- Bị cáo Tiên Thị D đặt cược 2 ván hùn vào tụ bài với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, ván đầu thắng cược 500.000 đồng, ván thứ 2 đặt cược 500.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Bị cáo Vương Diệu N đặt cược 5 ván, mỗi ván đặt cược 500.000 đồng hùn vào tụ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, 4 ván đầu hòa vốn, ván thứ 5 Nam đặt 500.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T9 đặt cược 4 ván, mỗi ván đặt cược 200.000 đồng hùn vào tụ của Nguyễn Thị H6, thua 600.000 đồng. Thời điểm bắt quả tang T9 đặt cược 200.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Quốc bốc bài, đặt cược khoảng 5-6 ván, mỗi ván đặt cược từ 200.000 đến 300.000 đồng hòa vốn. Thời điểm bắt quả tang, Q đặt cược 300.000 đồng.

- Bị cáo Trần Bích T2 bốc bài, đặt cược 4 ván, thua 2.000.000 đồng. Thời điểm bắt quả tang T2 đặt cược 750.000 đồng. Bị cáo T2 tham gia đánh bạc lần đầu.

- Bị cáo Đinh Thị Kim T3 đặt cược 4 ván, thắng 500.000 đồng hùn vào tụ bài với bị cáo Trần Bích T2. Thời điểm bắt quả tang T3 đặt cược 750.000 đồng. Bị cáo T3 tham gia đánh bạc lần đầu.

- Bị cáo Nguyễn Thị L đặt cược 3 ván vào tụ bài của Trần Bích T2, hòa vốn. Thời điểm bắt quả tang L đặt cược 500.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T4 bốc bài, tham gia đặt cược 3 ván bài, thua 1.000.000 đồng. Thời điểm bắt quả tang T4 đặt cược 1.000.000 đồng cùng bị cáo Đ.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ tham gia đặt cược 200.000 đồng hùn vào tụ bài của Nguyễn Văn T4 thì bị bắt quả tang.

Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc khi bị bắt quả tang trong vụ án này là 64.161.000 đồng, nên hành vi của Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Vương Diệu N, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Q, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc Đ, Tiên Thị D đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo xâm hại đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Yiu A M, Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Vương Diệu N, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Q, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc Đ, Tiên Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết

giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Yiu A M, Lê Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc B, Vương Diệu N, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Q, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc Đ, cho rằng các bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn T10 có cha là cựu chiến binh và bà ngoại là người có công. Bị cáo Vương Diệu N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đang nuôi mẹ già yếu mất sức lao động, vợ đang thất nghiệp và 1 con nhỏ, bị cáo đang làm tài xế theo hợp đồng cho 2 công ty để nuôi sống gia đình. Bị cáo Tiên Thị D trình bày bị cáo đã lớn tuổi và hiện đang phải điều trị nhiều bệnh tại bệnh viện, bị cáo đang cho thuê mặt bằng để sinh sống. Bị cáo T2 là lao động chính đang buôn bán tại nhà để nuôi cả gia đình; bị cáo T3 cùng chồng buôn bán phụ tùng xe máy để nuôi 3 con nhỏ đang trong độ tuổi đi học.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Yiu A M, Lê Thanh T, Nguyễn Q, Vương Diệu N, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Tiên Thị D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo M và bị cáo N là người dân tộc H5 nên trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, hiện các bị cáo đang phải nuôi con nhỏ.

Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo Yiu A M, Lê Thanh T, Nguyễn Q, Vương Diệu N, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Tiên Thị D là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ cho các bị cáo 1 phần hình phạt.

Ngoài ra, bị cáo Vương Diệu N chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già yếu mất sức lao động và 1 con nhỏ, vợ đang thất nghiệp; bị cáo cũng là người dân tộc H5 nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; trong thời gian tại ngoại bị cáo không vi phạm pháp luật, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B, quận B. Hiện bị cáo đang làm tài xế cho công ty TNHH S1 (theo Hợp đồng lao động số 05/HĐLĐ-LNĐ-16) và công ty TNHH MTV T11 (theo Hợp đồng lao động số 2022-08). Bị cáo Tiên Thị D có đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B, quận B về hoàn cảnh khó khăn, tuổi đã cao và đang điều trị bệnh u xơ tử cung, viêm phế quản tại bệnh viện H8; hiện bị cáo D đang cho Công ty cổ phần Đ4 thuê mặt bằng tại nhà số D đường số B, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2019 cho đến nay để sản xuất, kinh doanh nước đóng bình, đóng chai I-on kiềm (Theo hợp đồng cho thuê nhà từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/10/2025). Bị cáo Trần Bích T2 và Đinh Thị Kim T3 có nhân

thân tốt, lần đầu phạm tội và chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B, quận B; chồng bị cáo T2 làm phụ hồ, bị cáo T2 hiện đang buôn bán trước nhà số C đường số B, phường B, quận B hơn 10 năm nay; còn bị cáo T3 đang nuôi 3 con nhỏ, vợ chồng bị cáo T3 là chủ hộ kinh doanh cơ sở Đ5 buôn bán phụ tùng xe gắn máy (Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41W8056331 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Hội đồng xét xử xét thấy số tiền mà bị cáo Vương Diệu N, Tiên Thị D, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3 sử dụng để đánh bạc không lớn, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội có phần hạn chế. Các bị cáo nhất thời phạm tội, không mang tính chất chuyên nghiệp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Vương Diệu N, Tiên Thị D, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3 thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, có khả năng tự cải tạo và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Từ khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, các bị cáo đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật và chấp hành tốt lệnh triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Việc bắt giam các bị cáo này trở lại là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, chấp nhận cho các bị cáo Vương Diệu N, Tiên Thị D, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3 được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo này.

Các bị cáo còn lại là Nguyễn Thị Ngọc B, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Ngọc Đ, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này.

[4] Lập luận trên là căn cứ chấp nhận 1 phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận luận cứ bào chữa của Luật sư.

[5] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Yiu A M, Lê Thanh T, Nguyễn Q, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Vương Diệu N, Tiên Thị D, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Yiu A M, Lê Thanh T, Nguyễn Q, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Vương Diệu N, Tiên Thị D, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Ngọc Đ.

Sửa Bản án sơ thẩm số 198/2023/HS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Yiu A M 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh T** 3 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2023, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc** 3 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2023 nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc B** 3 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ tạm, giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Thanh T1** 3 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L 3** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T4 3** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 27/3/2020.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ 3** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/01/2020 đến ngày 08/02/2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Vương Diệu N 3** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vương Diệu N cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Xử phạt bị cáo **Trần Bích T2 3** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Bích T2 cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị Kim T3 3** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đinh Thị Kim T3 cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Xử phạt bị cáo **Tiên Thị D 3** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tiên Thị D cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, Trương Thị Thanh T1, Nguyễn Ngọc Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Yiu A M, Lê Thanh T, Nguyễn Q, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T4, Vương Diệu N, Tiên Thị D, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Vương Diệu N, Tiên Thị D, Trần Bích T2, Đinh Thị Kim T3.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- VKSND quận Bình Tân; (1)
- P.PV06- CATP.HCM; (1)
- Bị cáo; (12)
- Chi cục THADS quận Bình Tân; (1)
- TAND quận Bình Tân; (1)
- Công an quận Bình Tân; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (12)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (40). (5)

Phạm Uyên Thy